Phụ lục

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2023 HUYỆN TUY PHƯỚC

(đính kèm văn bản số 895/UBND-TH ngày 20/6/2023 của ...)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Năm 2023				Dự kiến năm 2024			Ghi chú
				Mục tiêu (tỉnh thông báo tại văn bản 20/UBND-TH)	Thực hiện đến 30/6/2023	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2022 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2023 (%)	So với ước thực hiện 2023 (%)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	**Tổng giá trị sản phẩm (giá so sánh)**	**Triệu đồng**									
	- Nông, lâm, thuỷ sản	Triệu đồng									
	- Công nghiệp và xây dựng	Triệu đồng									
	+ Công nghiệp	*Triệu đồng*									
	+ Xây dựng	*Triệu đồng*									
	- Dịch vụ	Triệu đồng									
2	**Tốc độ tăng giá trị sản phẩm**	**%**									
	- Nông, lâm, thuỷ sản	%									
	- Công nghiệp và xây dựng	%									
	+ Công nghiệp	*%*									
	+ Xây dựng	*%*									
	- Dịch vụ	%									
3	**Kim ngạch xuất khẩu**	Triệu USD									
4	**Tổng thu ngân sách trên địa bàn**	Triệu đồng									
	- Thu tiền sử dụng đất	*Triệu đồng*									
5	**Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ**	Tỷ đồng									
6	**Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế**	%									
7	**Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân**	%									
8	**Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều**	%									
9	**Bảo hiểm xã hội tự nguyện**	Người									
10	**Tạo việc làm mới**	Người									
11	**Đào tạo nghề lao động nông thôn**	Người									
12	**Tỷ lệ che phủ rừng**	%									
13	**Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch**	%									
14	**Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom**	%									